

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 - 2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng
2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Tuấn T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: Chị Trần Thị Lý G, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 4, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/3/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Ngô Tuấn T trình bày: anh và chị Trần Thị Lý G chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H ngày 26/5/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh T đã cố gắng khắc phục nhưng không thành, anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với chị Trần Thị Lý G.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị G có 02 con chung tên Ngô Hoài B, sinh ngày 06/8/2014 và Ngô Hoài Gia M, sinh ngày 03/01/2020; hai con

đang sống với chị G. Sau khi ly hôn anh T để chị G tiếp tục nuôi hai con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định, nhưng chị G vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Ngô Tuấn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Lý G, chị G hiện cư trú tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (được Công an thị trấn H xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Tuấn T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Lý G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H vào năm 2014 nên hôn nhân giữa anh T và chị G là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, anh Ngô Tuấn T cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung trong hôn nhân, dù anh T đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên anh và chị G ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với chị Trần Thị Lý G, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị G không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tại phiên tòa, chị G vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của anh T và chị G không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị G là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống, anh T và chị G có 02 con chung tên Ngô Hoài B, sinh ngày 06/8/2014 và Ngô Hoài Gia M, sinh ngày

03/01/2020; hai con đang sống với chị G. Sau khi ly hôn anh T để chị G tiếp tục nuôi hai con chung Ngô Hoài B, sinh ngày 06/8/2014 và Ngô Hoài Gia M, sinh ngày 03/01/2020. Nhận thấy hai con chung hiện đang sống với chị G. Anh T có lời trình bày chị G vẫn bảo đảm sự phát triển bình thường của các con chung, con chung cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao 02 con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung, chị G không có ý kiến phản hồi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: anh T trình bày không có, chị G không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: anh T trình bày không có, chị G không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Anh Ngô Tuấn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Tuấn T đối với chị Trần Thị Lý G về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Tuấn T được ly hôn với chị Trần Thị Lý G.

- Về con chung: Chị Trần Thị Lý G được quyền nuôi dưỡng 02 con chung Ngô Hoài B, sinh ngày 06/8/2014 và Ngô Hoài Gia M, sinh ngày 03/01/2020. Anh Ngô Tuấn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các

thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Anh Ngô Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010034 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hoà;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh

